TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2021
"Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Dương Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Mỹ Nhung, nghề nghiệp: Cán bộ Hội nông dân xã Hòa Tiến.
2. Bà Trịnh Thị Oanh, nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983; - *Có mặt*
Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: Anh Phan Đức Q, sinh năm 1982; - *Vắng mặt*
Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với anh Phan Đức Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25-12-2007, theo giấy chứng nhận kết hôn 160.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, xô xát và anh Q thường xuyên uống rượu, đánh đập tôi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và tôi chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ tại thôn 4, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét hôn nhân giữa tôi với anh Phan Đức Q không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Đức Q. Nguyện vọng của tôi là đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa tôi với anh Phan Đức Q có 02 con chung là cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010. Hiện nay, hai con chung đang ở cùng với tôi tại thôn 4, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung:* Bản thân tôi buôn bán và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Tôi không yêu cầu anh Phan Đức Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Tôi và anh Phan Đức Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

** Đối với bị đơn anh Phan Đức Q:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phan Đức Q là bị đơn biết để đến làm việc tại Tòa án, nhưng anh Q vẫn không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, các phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận được ý kiến của anh Q.

Quá trình làm việc, Tòa án đã mời các đương sự lên làm việc nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không thể hòa giải cho các đương sự để đoàn tụ được, bản thân chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Phan Đức Q. Do đó, căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị và anh Phan Đức Q được ly hôn, cho chị được quyền nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung và về nợ chung thì chị và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham

gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Đức Q.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các cháu Q1 và Q2 tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phan Đức Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị H xác định chị với anh Phan Đức Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan Đức Q có nơi cư trú tại Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị H yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Phan Đức Q đồng thời giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên toà lần thứ nhất, bị đơn anh Phan Đức Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên toà thông báo cho đương sự mở lại phiên toà lần hai. Tuy nhiên tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn anh Phan Đức Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì: Chị Trần Thị H và anh Phan Đức Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng 12 năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 160. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị H thì quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, xô xát và anh Q thường xuyên uống rượu, đánh đập chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và chị đã chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của chị tại thôn 4, xã H. Kể từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Và theo biên bản xác minh vào ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại chính quyền địa phương xã H cung cấp (BL 29) thể hiện: "Ông Phan Đức Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay ông Q vẫn còn sinh sống thường xuyên tại địa phương....quá trình bà H và ông Q chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết bà H và ông Q đã không còn chung sống với nhau từ lâu".

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Như vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị H với anh Q, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị H yêu cầu xin ly hôn đối với anh Phan Đức Q là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Đức Q.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa chị Trần Thị H với anh Phan Đức Q có 02 con chung là: cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010. Hiện cháu Q1 và cháu Q2 còn nhỏ đang sống cùng với chị H. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:*"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."*.

Quá trình làm việc, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các cháu Q1, Q2 thể hiện "hiện nay các cháu đang ở cùng với mẹ là chị Trần Thị H và nguyện vọng của các cháu là được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị H". Qua xem xét lời khai của các cháu Q1, Q2 cùng chứng cứ mà chị H cung cấp và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 29) thì thấy: Hiện nay cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010 đang ở cùng với mẹ là chị Trần Thị H. Bản thân chị H có công ăn việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Bị đơn anh Q đã được Tòa án mời làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh Q.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử thấy: giao con chung cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Anh Phan Đức Q được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Q thực hiện quyền này.Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phan Đức Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Chị Trần Thị H xác định giữa chị và anh Phan Đức Q tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Đức Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan Thị Lệ Q1, sinh ngày 11-02-2009 và cháu Phan Đức Q2, sinh ngày 14-3-2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Anh Phan Đức Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Q thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0006297 ngày 26 tháng 4 năm 2021.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh